

Bản án số: 1002/2022/DS-ST
Ngày: 08/6/2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhơn
2. Bà Nguyễn Thị Bích Thân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Trang là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Lê Mỹ Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 0015/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2021 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-DS ngày 16/3/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 57/2022/QĐST-DS ngày 14/4/2022 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 92/2022/QĐST-DS ngày 11/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N; địa chỉ: Đường L, phường C, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Trần H (văn bản ủy quyền số 10/UQ ngày 14/12/2020).

Bị đơn: Ông Vũ D; cư trú tại: 178/1 Đường 304 (Đường D1 nay là Đường Nguyễn Văn Thương), Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Võ K; địa chỉ: ấp D, xã T, huyện Th, tỉnh N (giấy ủy quyền ngày 07/4/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Ngân hàng N (sau đây gọi là Ngân hàng) trình bày: Ngày 19/10/2017, Ngân hàng và ông Vũ D có ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 3.7.TD ngày 03/7/2017 với hạn mức tín dụng qua thẻ là 200.000.000 đồng; loại thẻ là thẻ tín dụng quốc tế Visa; thời hạn sử dụng là 02 năm; lãi suất trong hạn là 13%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho

vay trong hạn và các loại phí theo biểu phí hiện hành của Ngân hàng được quy định theo từng thời kỳ; phương thức bảo đảm là tín chấp.

Căn cứ các thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, căn cứ sao kê tài khoản thẻ tín dụng ngày 10/10/2018, khách hàng phải thanh toán số dư tối thiểu bao gồm gốc, lãi, phí sử dụng thẻ phát sinh trong kỳ chậm nhất trước ngày 25/10/2018, tuy nhiên, khách hàng thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Sau đó, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo và yêu cầu ông D thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông D không hợp tác, né tránh gặp Ngân hàng để giải quyết nên gây khó khăn cho Ngân hàng trong việc xử lý, thu hồi nợ.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Vũ D phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến 08/6/2022 là 313.774.140 đồng và ông D phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 09/6/2022 cho đến khi trả dứt nợ theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn là ông Vũ D có người đại diện trình bày: Ông đề nghị nguyên đơn miễn giảm toàn bộ số lãi trong hạn, quá hạn và số lãi phạt cho bị đơn. Phần gốc còn lại xin được trả làm 3 lần: Lần 1 là 30% số tiền gốc thực hiện vào ngày 08/7/2022. Lần 2 là 30% số tiền gốc thực hiện vào ngày 08/8/2022 và lần 3 là toàn bộ số nợ gốc còn lại vào ngày 08/9/2022. Ông không có chứng cứ gì khác để giao nộp, ông cũng không có thắc mắc về đơn khởi kiện của nguyên đơn và ông cũng không có ý kiến nào khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện buộc thanh toán tổng số tiền nợ là 313.774.140 đồng, trong đó nợ gốc là 198.329.688 đồng, lãi là 109.823.688 đồng, phí là 5.620.482 đồng, đồng ý cho bị đơn thanh toán làm 03 đợt: Đợt 1 thanh toán 30% số tiền còn nợ là 94.132.242 đồng vào ngày 08/7/2022. Đợt 2 là 30% số tiền còn nợ là 94.132.242 đồng vào ngày 08/8/2022 và lần 3 là toàn bộ số nợ còn lại là 125.509.656 đồng vào ngày 08/9/2022 và ông D phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Nguyên đơn không đồng ý yêu cầu được miễn giảm tiền lãi và đề nghị được trả dần nợ gốc của bị đơn.

Bị đơn có người đại diện theo ủy quyền là ông Võ K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, ngoại trừ việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng cụ thể xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thực hiện đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181, Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến

phiên tòa, các đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Võ K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về các yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tổng số tiền nợ là 313.774.140 đồng, trong đó nợ gốc là 198.329.688 đồng, lãi là 109.823.688 đồng, phí là 5.620.482 đồng và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 03/7/2017, các sao kê tài khoản thẻ tín dụng có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn có sử dụng thẻ tín dụng; loại thẻ Visa; hạng thẻ vàng; số tài khoản tiền gửi thanh toán là 6421205288296 do nguyên đơn cấp với hạn mức 200.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ, bị đơn đã giao dịch tổng số tiền là 756.557.291 đồng, bị đơn đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 592.667.986 đồng. Kể từ ngày 27/5/2021, bị đơn không thanh toán thêm bất cứ khoản nợ nào cho nguyên đơn. Việc bị đơn không thanh toán nợ cho nguyên đơn là vi phạm điểm k khoản 2 Điều 12 Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế. Ngày 13/8/2019, ngày 13/7/2020, ngày 13/10/2020, nguyên đơn đã ra thông báo chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn kể từ ngày 26/10/2018 là đúng với thỏa thuận của các bên tại khoản 5 Điều 7 của hợp đồng. Tính đến ngày 08/6/2022, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc 313.774.140 đồng, trong đó nợ gốc là 198.329.688 đồng, lãi là 109.823.688 đồng, phí là 5.620.482 đồng. Căn cứ Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của

Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Bị đơn đề nghị nguyên đơn miễn giảm toàn bộ số lãi trong hạn, quá hạn và số lãi phạt. Phân gốc còn nợ được trả làm 3 lần: Lần 1 là 30% số tiền gốc trả vào ngày 08/7/2022. Lần 2 là 30% số tiền gốc trả vào ngày 08/8/2022 và lần 3 là toàn bộ số nợ gốc còn lại trả vào ngày 08/9/2022 nhưng không được nguyên đơn đồng ý. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc đồng ý cho bị đơn thanh toán số tiền gốc, lãi, phí còn nợ là 313.774.140 đồng làm 03 đợt: Đợt 1 thanh toán 30% số tiền còn nợ là 94.132.242 đồng vào ngày 08/7/2022. Đợt 2 là 30% số tiền còn nợ là 94.132.242 đồng vào ngày 08/8/2022 và lần 3 là toàn bộ số nợ còn lại là 125.509.656 đồng vào ngày 08/9/2022. Ngoài ra, bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh từ ngày 09/6/2022 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.688.707 đồng.

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Ngân hàng N.

Buộc ông Vũ D phải trả cho Ngân hàng N số tiền 313.774.140 đồng, trong đó nợ gốc là 198.329.688 đồng, lãi là 109.823.688 đồng, phí là 5.620.482 đồng.

Ông Vũ D trả cho Ngân hàng N tiền 313.774.140 đồng làm 03 đợt: Đợt 1 thanh toán 30% số tiền còn nợ là 94.132.242 đồng vào ngày 08/7/2022. Đợt 2 là 30% số tiền còn nợ là 94.132.242 đồng vào ngày 08/8/2022 và lần 3 là toàn bộ số nợ còn lại là 125.509.656 đồng vào ngày 08/9/2022.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 09/6/2022 cho đến khi thi hành án xong, ông Vũ D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 3.7.TD ngày 03/7/2017.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vũ D phải chịu là 15.688.707 đồng.

Hoàn cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí là 7.754.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0089011 ngày 30/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Vũ D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh ;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vương Thị Lan Phương